

Bản án số: **14/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 20 - 3 - 2019

Về việc tranh chấp: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Minh;

Bà Phạm Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên Tòa: Ông Trần Minh Quyền – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân – Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 3 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2019/TLST – HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Nguyễn Thanh L (B)**, sinh năm 1980 (Có mặt).

Địa chỉ: C, Ấp T, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: **Trần Văn D**, sinh năm 1976 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 26/11/2018, bản tự khai ngày 11/02/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thanh L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh D cưới nhau vào năm 2002 trên tinh

thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào năm 2002. Thời gian đầu có hạnh phúc nhưng từ tháng 9/2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không cùng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, anh D ghen tuông vô cớ, có đánh chị 06 bạt tay nên cuộc sống không còn hạnh phúc. Vợ chồng ly thân từ tháng 10 năm 2018 cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh D nên không thể hàn gắn lại được mà kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh D.

- *Về nuôi con chung:* Có 03 con chung tên là Trần Nguyễn Yến N, sinh ngày 10/11/2002; Trần Nguyễn Yến T, sinh ngày 20/4/2007, Trần Nguyễn Yến N, sinh ngày 26/3/2012. Hiện cháu N đang sống với chị, cháu T, cháu Nh đang sống với anh D.

Khi ly hôn, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N; đối với cháu T, cháu Nh thì chị đồng ý để anh D tiếp tục nuôi và không cấp dưỡng nuôi con lẫn nhau.

- *Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có.

- **Tại phiên Tòa:** chị L vẫn giữ yêu cầu khởi kiện không thay đổi gì.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 11/02/2019, và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Trần Văn D trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh D thống nhất với lời trình bày của chị L về hôn nhân, quá trình chung sống, đăng ký kết hôn và nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nay qua yêu cầu ly hôn của chị L thì anh không đồng ý ly hôn vì vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, nhưng do anh nghi ngờ vợ anh có quan hệ tình cảm với người khác nên từ đó tình cảm vợ chồng không trọn vẹn, và anh có đánh chị 03 bạt tay, nhưng anh xác định vẫn còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn, và cũng để không ảnh hưởng đến việc học của con chung.

- *Về nuôi con chung:* Có 03 con chung như chị L trình bày là đúng, Trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh đồng ý để chị L tiếp tục nuôi dưỡng cháu N. Anh tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và cháu Nh và không phải cấp dưỡng nuôi con lẫn nhau.

- *Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có.

- **Tại phiên Tòa:** anh D vẫn không đồng ý ly hôn mặc dù anh đã tìm cách hàn gắn nhưng không được, nay chị L kiên quyết ly hôn thì tự chị L đơn phương ly hôn chứ anh không đồng ý vì sợ con sẽ khổ.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về nội dung giải quyết vụ án:*

** Về tuân theo pháp luật tổ tụng :*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng, và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tuân theo đúng quy định của pháp luật.

** Về nội dung giải quyết vụ án:*

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh D. Chị L được ly hôn với anh D.

- Về con chung: Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị L. Giao con chung Trần Nguyễn Yến N, sinh ngày 10/11/2002 cho chị L nuôi dưỡng. Giao con chung Trần Nguyễn Yến T, sinh ngày 20/4/2007, Trần Nguyễn Yến N, sinh ngày 26/3/2012 cho anh D nuôi dưỡng và điều này phù hợp với nguyện vọng của các con chung.

Ghi nhận các bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con lẫn nhau.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét đến.

- Về nợ chung: Hai bên khai không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thanh L và anh Trần Văn D cưới nhau vào năm 2002 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Bình Đại vào năm 2002 theo đúng quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh D được công nhận hợp pháp.

[2]. Nay chị L yêu cầu ly hôn, anh D không đồng ý vì anh còn thương vợ, không muốn ảnh hưởng đến việc học của con. *Hội đồng xét xử xét thấy:* Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trong đó có biên bản xác minh tại chính quyền địa phương, cũng như lời khai của chị L và anh D đều xác định được cuộc sống vợ chồng của anh chị đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, anh D ghen tuông vô cớ, nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Mặc dù anh D không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con, Tòa án cũng đã tạo điều kiện cho thời gian để hai bên tìm cách hàn gắn lại tình cảm, nhưng cho đến nay vợ chồng chị L và anh D vẫn không hàn gắn lại được, điều này cũng được anh D thừa nhận tại phiên Tòa, hiện nay mỗi người ở một nơi không còn sống chung với nhau, chị xác định không còn tình

cảm với anh D, nên chị kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh.

[3]. Qua đó, có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định được cuộc sống chung giữa 02 vợ chồng chị L và anh D đã có mâu thuẫn, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai, giữa chị L và anh D đã không còn quan tâm, chăm sóc đến cuộc sống của nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Điều đó, chứng tỏ hôn nhân của chị L và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh D.

[4]. *Về nuôi con chung*: Trong quá trình sống chung giữa chị L và anh D có 03 con chung tên là Trần Nguyễn Yến N, sinh ngày 10/11/2002; Trần Nguyễn Yến T, sinh ngày 20/4/2007, Trần Nguyễn Yến N, sinh ngày 26/3/2012. Hiện cháu N đang sống với chị, cháu T, cháu Nh đang sống với anh D. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N; đối với cháu T, cháu Nh thì chị đồng ý để anh D tiếp tục nuôi và không cấp dưỡng nuôi con lẫn nhau. Anh D đồng ý với ý kiến của chị L về con chung.

[5]. *Hội đồng xét xử xét thấy*: Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu N, cháu T, cháu Nh, xét thấy từ trước đến nay cháu N đều sống với chị L; cháu T, cháu Nh đều sống với anh D. Việc chị L, anh D nuôi các con chung vẫn phát triển bình thường. Nên để nhằm ổn định về tinh thần của con chung anh và chị, cần để cháu N cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng; để cháu T, cháu Nh cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng cũng là phù hợp với nguyện vọng của các cháu và anh D cũng thống nhất, sự thỏa thuận này cũng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị L và anh D nuôi con chung nhưng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con lẫn nhau, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận và không xét đến.

[7]. *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[8]. *Về nợ chung*: Hai bên khai thống nhất không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[9]. *Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại về quan điểm giải quyết vụ án*: là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*:

[10]. Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[11]. Chị Nguyễn Thanh L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thanh L (B) đối với anh Trần Văn D.

Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thanh L (B) đối với anh Trần Văn D.

Quan hệ hôn nhân giữa **chị Nguyễn Thanh L (B) và anh Trần Văn D** chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Trần Nguyễn Yên N, sinh ngày 10/11/2002 cho **chị Nguyễn Thanh L (B)** trực tiếp nuôi dưỡng và phù hợp với nguyện vọng của cháu N.

2.2. Giao con chung Trần Nguyễn Yên T, sinh ngày 20/4/2007, Trần Nguyễn Yên N, sinh ngày 26/3/2012 cho anh **Trần Văn D** trực tiếp nuôi dưỡng và phù hợp với nguyện vọng của các cháu.

2.3. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L và anh D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con lẫn nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở **người không trực tiếp nuôi con** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 và Điều 119 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Hai bên khai không có, nên không xét đến.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thanh L (B) phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0021168 ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Như vậy, chị Nguyễn Thanh L (B) đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV - THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã T ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên